TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ---------- Số: 69/2021/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 03 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Bùi Huy A**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 3 P, xã G, huyện V, tỉnh N

Và bị đơn: **Chị Trần Thị Xâm**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 3 P, xã G, huyện V, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Anh Bùi Huy A**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 3 P, xã G, huyện V, tỉnh N

Và bị đơn: **Chị Trần Thị X**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 3 P, xã G, huyện V, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ con chung: Anh Bùi Huy A và chị Trần Thị X cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung: Cháu lớn là Bùi Thành N, sinh ngày 30/4/2009; cháu bé là Bùi Huy Thanh H, sinh ngày 30/4/2012. Anh A chị X thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao hai cháu Bùi Thành N và Bùi Huy Thanh H cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Huy A phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị X với số tiền là 1.500.000 đồng/ 01 cháu/ 01 tháng. Kể từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi hai cháu Bùi Thành N và Bùi Huy Thanh H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Anh Bùi Huy A và chị Trần Thị X đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Bùi Huy A phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số: AA/2021/0004002 ngày 10/11/2021.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện V*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành